

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA THƯƠNG MẠI

ĐỀ THI, ĐÁP ÁN/RUBRIC VÀ THANG ĐIỂM
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Tài chính doanh nghiệp_Đề 2		
Mã học phần:	71FINN30033	Số tin chỉ:	3
Mã nhóm lớp học phần:	231_71FINN30033_01, 231_71FINN30033_02		
Hình thức thi: Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không	

LƯU Ý: sinh viên upload file bài làm (word, pdf, giấy)

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO1	Vận dụng kiến thức về định giá dòng tiền, giá trị thời gian của tiền, chi phí sử dụng vốn vào tiến trình phân tích các chiến lược hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	Tự luận	35%	1 3	3.5	PI 2.2
CLO2	Vận dụng kiến thức về báo cáo tài chính lựa chọn các hoạt động kinh doanh phù hợp với bối cảnh của doanh nghiệp.	Tự luận	30%	4	3	PI 2.2
CLO3	Vận dụng kiến thức về tài chính doanh nghiệp để xây dựng chiến lược hoạt động kinh doanh phù hợp.	Tự luận	20%	2	2	PI 2.2
CLO5	Phối hợp kỹ năng phân tích và giải quyết các vấn đề trong thực tế tài chính doanh nghiệp.	Tự luận	15%	3	1.5	PI 7.2

III. Nội dung câu hỏi thi

Câu hỏi 1: (2 điểm)

Công ty Lucky đang xem xét nâng cấp máy lỗi thời bằng máy mới hơn có công suất hoạt động lớn hơn. Sự thay đổi ước tính trong vốn lưu động ròng của công ty do quyết định này đã được xác định. Thay đổi này sẽ liên quan tới việc tăng tiền mặt (+25.000 USD), nợ dòn tích (+90.000 USD) và các khoản phải thu (+200.000 USD), tăng các khoản phải trả (+80.000 USD) và giảm hàng tồn kho (-42.000 USD). Ngoài ra tổng tài sản hiện tại và tổng nợ hiện tại của công ty lần lượt là 210.000 USD và 450.000 USD. Mức thay đổi trong vốn lưu động thuần của công ty Lucky được xác định là bao nhiêu?

Câu hỏi 2: (2 điểm)

Công ty Bayer dự định tăng quy mô xưởng sản xuất cần vốn đầu tư ban đầu là \$75.000. Dự án sẽ bắt đầu hoạt động trong thời gian 1 năm và tạo ra doanh thu trong năm đầu tiên là \$25.000, \$20.000 trong năm thứ 2, \$15.000 mỗi năm từ năm thứ ba đến năm thứ năm, \$10.000 mỗi năm từ năm thứ sáu đến năm thứ mười, công ty chỉ xem xét lợi nhuận đến cuối năm thứ mười. Chi phí sử dụng vốn của dự án là 18%/năm. Dựa trên thông tin này, hãy phân tích để xác định xem đầu tư có khả thi hay không? Vì sao?

Câu hỏi 3: (3 điểm)

Công ty Dabaco hiện đang đánh giá tính khả thi của việc đầu tư vào các thiết bị hiện đại để nâng cao xưởng sản xuất của mình, biết tuổi thọ hữu ích của thiết bị dự kiến là 7 năm. Chi phí đầu tư ban đầu cho thiết bị là \$37.000 và thiết bị được dự đoán sẽ tạo ra dòng tiền trong 7 năm tới, năm đầu tiên dòng tiền thu vào là \$6.000 và mỗi năm sau đó dòng tiền thu vào tăng thêm \$1.000 so với năm trước đó. Chi phí sử dụng vốn của công ty ước tính là 12%.

- Xác định thời gian hoàn vốn của dự án.
- Xác định NPV của dự án.
- Xác định IRR của dự án.
- Nếu là công ty Dabaco thì bạn sẽ quyết định có chấp nhận dự án hay không và tại sao?

Câu hỏi 4: (3 điểm)

Công ty Jesco đang lên kế hoạch tính toán chi phí vốn dựa trên dữ liệu sau (biết thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của công ty là 32%)

Thứ nhất, công ty dự kiến phát hành trái phiếu kỳ hạn 25 năm để đảm bảo cho các khoản nợ dài hạn. Mệnh giá của trái phiếu là 23.000 USD và có lãi suất coupon 8,2%. Việc phát hành

trái phiếu phát sinh chi phí phát hành là 600 USD và lãi suất chiết khấu là 650 USD cho mỗi trái phiếu

Thứ hai, công ty dự định phát hành cổ phiếu ưu đãi với mệnh giá 2.300 USD/cổ phiếu, đưa ra tỷ lệ chi trả cổ tức hàng năm là 380 USD. Chi phí phát hành mỗi cổ phần ưu đãi là 100 USD.

Cuối cùng, cổ phiếu phổ thông của công ty hiện đang được giao dịch với mức giá 1.200 USD/cổ phiếu. Công ty dự kiến trả cổ tức 180 USD cho mỗi cổ phiếu trong năm tới và tốc độ tăng trưởng cổ tức vĩnh viễn dự kiến 8,5% hàng năm. Chi phí định giá mỗi cổ phiếu là 180 USD và chi phí phát hành mỗi cổ phiếu là 100 USD.

- a. Xác định chi phí sử dụng nợ của công ty.
- b. Xác định chi phí sử dụng vốn cổ phần ưu đãi.
- c. Xác định chi phí sử dụng vốn cổ phần thường.
- d. Xác định chi phí sử dụng vốn bình quân, sử dụng tỷ lệ về cấu trúc vốn có Nợ dài hạn (35%), Cổ phần ưu đãi (25%), Cổ phần thường (40%)

ĐÁP ÁP VÀ THANG ĐIỂM

Phân câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú																				
I. Tự luận																							
Câu 1		2.0																					
	<table border="1"> <thead> <tr> <th colspan="2">Tài sản ngắn hạn (USD)</th> <th colspan="2">Nợ ngắn hạn (USD)</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Tiền mặt</td> <td>+25.000</td> <td>Khoản phải trả</td> <td>+80.000</td> </tr> <tr> <td>Khoản phải thu</td> <td>+200.000</td> <td>Nợ dồn tích</td> <td>+90.000</td> </tr> <tr> <td>Hàng tồn kho</td> <td>-42.000</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Thay đổi ròng</td> <td>183.000 USD</td> <td></td> <td>170.000 USD</td> </tr> </tbody> </table>	Tài sản ngắn hạn (USD)		Nợ ngắn hạn (USD)		Tiền mặt	+25.000	Khoản phải trả	+80.000	Khoản phải thu	+200.000	Nợ dồn tích	+90.000	Hàng tồn kho	-42.000			Thay đổi ròng	183.000 USD		170.000 USD	1.0	
Tài sản ngắn hạn (USD)		Nợ ngắn hạn (USD)																					
Tiền mặt	+25.000	Khoản phải trả	+80.000																				
Khoản phải thu	+200.000	Nợ dồn tích	+90.000																				
Hàng tồn kho	-42.000																						
Thay đổi ròng	183.000 USD		170.000 USD																				
	$\Delta \text{Vốn lưu động thuần} = \Delta \text{Tài sản ngắn hạn} - \Delta \text{Nợ ngắn hạn}$ $= 183.000 - 170.000$ $= 13.000 \text{ USD}$	1.0																					
Câu 2		2.0																					
	$\text{NPV} = -75.000 + \frac{25.000}{(1+18\%)} + \frac{20.000}{(1+18\%)^2} + \frac{15.000 \times \frac{1-(1+18\%)^{-3}}{18\%}}{(1+18\%)^2} +$ $\frac{10.000 \times \frac{1-(1+18\%)^{-5}}{18\%}}{(1+18\%)^4}$ $= -2.357,784 \text{ USD}$	1.5																					
	Không nên đầu tư vào dự án vì $\text{NPV} = -2.357,784 \text{ USD} < 0$	0.5																					
Câu 3		3.0																					
Câu a	Thời gian hoàn vốn của dự án $4 + \frac{7.000}{10.000} = 4,7$ $\Rightarrow 4 \text{ năm } 8 \text{ tháng}$	0.75																					
Câu b	NPV của dự án $\text{NPV} = -37.000 + \frac{6.000}{(1+12\%)} + \frac{7.000}{(1+12\%)^2} + \frac{8.000}{(1+12\%)^3} + \frac{9.000}{(1+12\%)^4} + \frac{10.000}{(1+12\%)^5} +$ $\frac{11.000}{(1+12\%)^6} + \frac{12.000}{(1+12\%)^7} = \$7.277,288$ $\Rightarrow \text{NPV} = \$2.026,806$	0.75																					
Câu c	IRR của dự án	0.75																					

	$\frac{6.000}{(1+r)} + \frac{7.000}{(1+r)^2} + \frac{8.000}{(1+r)^3} + \frac{9.000}{(1+r)^4} + \frac{10.000}{(1+r)^5} + \frac{11.000}{(1+r)^6} + \frac{12.000}{(1+r)^7} = 37.000$ $\Rightarrow \text{IRR} = 14\%$		
Câu d	Dự án nên được chấp nhận vì NPV > 0 và IRR > 12%	0.75	
Câu 4		3.0	
Câu a	Chi phí sử dụng nợ của công ty $21.750 = 1.886 \times \frac{1 - (1+r_d)^{-25}}{r_d} + \frac{23.000}{(1+r_d)^{20}}$ $\Rightarrow r_d = 8,742\%$ $\Rightarrow r_i = r_d \times (1 - t) = 8,742\% \times (1 - 0,32) = 5,945\%$	1	
Câu b	Chi phí sử dụng vốn cổ phần ưu đãi $r_p = \frac{380}{2.300 - 100} = 17,273\%$	0.75	
Câu c	Chi phí sử dụng vốn cổ phần thường $r_e = \frac{180}{1.200 - 180 - 100} + 8,5\% = 28,065\%$	0.75	
Câu d	Chi phí sử dụng vốn bình quân $\text{WACC} = 0,35 \times 5,945\% + 0,25 \times 17,273\% + 0,4 \times 28,065\% = 17,625\%$	0.25	
	Điểm tổng	10.0	

Người duyệt đề



TS. Hoàng Chí Cương

TP. Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 12 năm 2023

Giảng viên ra đề



Võ Thùy Dung